

G. Những tính chất đặc trưng của hành thổ.

1. Tính chất hành thổ trong các quy luật chứa nó thuộc về không gian, theo phương vị mặt đất.

Trong các quy luật có chứa nội dung ngũ hành, ta thấy phương vị của hành thổ ở ba nơi là đông bắc, tây nam và trung ương.

Trước hết ta xem xét về thổ quan hệ tới đời sống vạn vật ra sao?

Quan sát khí vật tương ứng, người xa đã ghi nhận được rằng thổ khí, gió từ hướng tây nam tới, khí trời nóng ẩm, cuối mùa hạ, trái cây chín nẫu, rụng thối, ma nhiều, đất nhão thành bùn. Các sách y học thì ghi rằng khi có gió đông bắc, trời hay mưa phùn, độ ẩm cao, nhiều bệnh lây lan phát sinh như cảm, cúm, sỏi đậu mùa v.v... khi có gió tây nam, khí trời oi ả nóng và ẩm, những bệnh đường ruột, sốt rét thường phát sinh và lây lan v.v... Những bệnh tê bại thường do thấp khí gây ra, v.v... Các lão nông thì kinh nghiệm rằng cây cối, hoa màu khi gặp gió đông bắc và tây nam đều bị tàn lụi, nhiều sâu bệnh, và kém năng suất. Khi trời không có gió, khí đất tại chỗ bốc hơi lên, là trung ương, là thổ khí.

Tỷ lệ khí của hành thổ: Trong bảng tỷ lệ nhiệt độ, độ ẩm của các loại khí và phương hướng ở trên ta thấy một nét đáng chú ý như sau:

- Gió hướng đông bắc : nhiệt 25%, ẩm 75%
- Gió hướng tây nam : nhiệt 75%, ẩm 25%
- Gió hướng trung ương: nhiệt 50%, ẩm 50%

Nếu ta đem cộng chung tỷ lệ của cả nhiệt và ẩm, ta thấy ở các hướng khác nhau ấy, hướng nào cũng có một tổng chung là 100%

- Hướng đông bắc: 25% nhiệt + 75% 100%
- Hướng tây nam : 75% nhiệt + 25% = 100%
- Trung ương : 50% nhiệt + ẩm 50% = 100%

Tính chất âm dương ở khí: nhiệt là dương, ẩm là âm.

Giả như có hiện tượng cả âm và dương đều tối đa trong khí, tổng tỷ lệ của âm và dương trong khí sẽ là nhiệt 100% + ẩm 100% : 2000

Lại giả nh có hiện tượng âm và dương trong khí đều tối thiểu,

tổng tỷ lệ âm và dương trong khí sẽ là nhiệt 0% + ẩm 0% = 0%

Vậy tổng tỷ lệ âm dương nếu bằng 200% chia cho 2 = 100% sẽ là trạng thái khí trung bình.

Theo đó mà xét thì thổ khí ở cả ba hướng đông bắc, tây nam, và trung ương đều là **trạng thái khí trung bình**.

Phân tích thêm bước nữa, ta thấy thổ khí có ba mức:

- **Trạng thái khí trung bình, thế quân bình là trung ương**, với tỷ lệ nhiệt 50% + ẩm 50% = 100% (tính thổ).

- **Trạng thái khí trung bình, thế dương thắng** là tây nam, với tỷ lệ nhiệt 75% + ẩm 25% = 100% (âm trong dương thổ).

- **Tình trạng khí trung bình, thế âm thắng** là đông bắc, với tỷ lệ nhiệt 25% + ẩm 75% = 100% (dương trong âm thổ).

Trong tất cả các quá trình vận động của tự nhiên và xã hội, hết thảy đều do hai chiều hướng lực thúc đẩy ngược nhau gây ra, chiều hướng vận động sẽ do chiều hướng của lực mạnh hơn quyết định. Nếu hai chiều hướng đó có lực cân bằng nhau, hướng vận động sẽ bằng không. Vì vậy trạng thái trung bình là một trạng thái tĩnh, sự sống là một quá trình vận động không ngừng, trạng thái trung bình âm dương là một biểu hiện điều kiện bất lợi cho sự sống, bất kể là tình trạng trung bình trong nội môi hay ở ngoại môi:

"Trung ương, trung bình, tĩnh lặng, đều là những tính chất của thổ khí gây ra cho vạn vật, nó là tính chất đặc trưng của hành thổ trong ngũ hành.

Đến đây, tôi có thể thưa rằng phép tính số học mà tôi vừa dùng để dẫn chứng một quy luật tổng quát là quy luật âm dương ngũ hành, không những không trái quấy mà còn là một sự cần thiết, bởi vì nhờ có các con số cụ thể của phép tính, ta mới có thể trình bày và tiếp nhận các tính chất cơ bản của ngũ hành.

Đặc biệt là tính chất của hành thổ, một vấn đề còn bỏ trống trong các nhận định của nhiều học giả từ đây trở về trước.

2. Hành thổ theo thời gian

Trước hết, tôi giới thiệu hành thổ trong các quy luật tính theo thời gian bằng năm:

a. Hành thổ theo lục khí ở những năm Sửu, Mùi. Sách Trung y khái luận viết về lục khí như sau:

"Khách khí di chuyển là lấy sự nhiều ít của khí âm dương làm thứ tự trước sau, như: Quyết âm (nhất âm), thiếu âm (nhị âm), thái âm (tam âm), thiếu dương (nhất dương), dương minh (nhị dương), thái dương (tam dương). Mỗi năm có một khí làm chủ, thay đổi từng năm, luân chuyển không ngừng, đó là khách khí trông coi về từng năm... Cách tính về tư thiên, tại tuyền thì căn cứ phù hiệu địa chi của mỗi năm theo quy luật địa chi phối hợp với tam âm, tam dương nói ở trên mà quyết định. Sau khi theo nên chi tính ra khí tư thiên rồi thì có thể biết được khí tại tuyền, vì khí tư thiên của mỗi năm là cố định ở khí thứ ba của chủ khí mà khí tại tuyền thì cùng đối với khí tư thiên ở chỗ chung khí, mỗi năm một lần thay đổi, như thế là trong 6 năm sẽ có 6 tư thiên, tại tuyền khác nhau, xem bảng dưới đây (bảng 3-5):

Bảng 3-5. Quy luật niên chi với (khí) tư thiên, tại tuyền

Niên chi	Tư thiên	Tại tuyền
Tý, ngọ	Thiếu âm quân hoả	Dương minh táo kim
Sửu, mùi	Thái âm thấp thổ	Thái dương hàn thủy
Dần, thân	Thiếu dương tướng hoả	Quyết âm phong mộc
Mão, dậu	Dương minh táo kim	Thiếu âm quân hoả
Thìn, tuất	Thái dương hàn thủy	Thái âm thấp thổ
Tỵ, hợi	Quyết âm phong mộc	Thiếu dương tướng hoả

Đây là nội dung của khách khí, loại khí biến hoá khác thường của khí hậu hàng năm.

Tính chất thấp thổ đi theo mức độ thái âm để chỉ rằng năm Sửu, năm Mùi sẽ có khí thất thường ảnh hưởng đến con người và vạn vật giống như tính chất khí thấp ở mùa và phương hướng đã ảnh hưởng tới con người và vạn vật. ảnh hưởng này trên con người có hai mặt: Một là, theo tên khí (tuỳ theo khí cụ thể như phong, hàn, thử, thấp, táo), sẽ có những biến đổi tính chất của công năng tạng phủ tương ứng hai là, theo mức độ âm dương của tên khách khí, ở đường kinh lạc có tên cùng mức độ âm dương sẽ có những biến đổi sinh lý, bệnh lý khác thường. Ví dụ, vào những năm Sửu, năm Mùi, khách khí tứ thiên là thái âm thấp thổ, đường kinh lạc có diễn biến tương ứng là kinh túc thái âm tỳ.

Khách khí tứ thiên có chu kỳ 6 năm, ảnh hưởng do lục khí gây ra là loại ảnh hưởng do sự vận động tương tác giữa những vật thể vũ trụ ngoài hệ mặt trời. Theo nội dung, chúng ta một lần nữa được hiểu thêm rằng mọi ảnh hưởng của vũ trụ tới vạn vật và con người đã được người xưa nhận thức thông qua sự quan sát, ghi nhận sự biến đổi khí hậu môi trường sống trên mặt đất.

b. Hành thổ theo ngũ vận ở những năm giáp, kỷ. Sách trung y khái luận viết về ngũ vận như sau: "... căn cứ vào thiên Khí giao biến đại luận và thiên Chí chân yếu đại luận trong Nội kinh có chép, bát luận ngũ vận biến hoá hay lục khí biến hoá đều có thể gây bệnh cho người ta, nhưng đem quan hệ giữa khí hậu biến hoá với bệnh tật mà xét thì quy luật cơ bản là nhất trí, chủ yếu là nói những bệnh tật vì khí hậu khác với tạng khí mà gây nên, thứ hai là nói những bệnh vì khí hậu ảnh hưởng đến tạng thuộc với khí mà phát ra, thứ ba nữa còn ảnh hưởng kinh mạch và quan hệ biểu lý giữa các tạng phủ mà phát bệnh v.v... "

Điều trong học thuyết ngũ vận lục khí không nói rõ nhưng chúng ta có thể hiểu được rằng tuy cùng tính bằng đơn vị thời gian là năm, nhưng hai loại có hai chu kỳ số năm khác nhau, tất phải do hai lực tương tác khác nhau. Tuy là hai lực tương tác khác nhau có hai chu kỳ vận động khác nhau nhưng lại cùng ảnh hưởng vào khí hậu quả đất. Học thuyết vận khí đã tính được sự song hành lặp lại giữa khí với vận và can của năm bằng 30 năm; lặp lại giữa khí, vận, can, chi là 60 năm. (Xem học thuyết lục khí ngũ vận trong sách Trung y khái luận).

c. Hành thổ trong 10 thiên can ở vào hai năm mậu, kỷ. Theo cách tính này thì chu kỳ 10 năm thiên can được chia ra làm 5 cặp: giáp ất, bính đinh, mậu kỷ, canh tân, nhâm quý; mỗi cặp ứng với một hành theo thứ tự tương sinh, bắt đầu từ giáp ất mộc; bính đinh - hoả; mậu kỷ : thổ; canh tân = kim; nhâm quý thủy.

Cùng là đơn vị năm can dùng để tính quy luật, nhưng ngũ vận và thập thiên can có những đặc điểm khác nhau như sau:

Ngũ hành trong ngũ vận có chu kỳ là 5 năm, cho nên 10 năm thiên can là hai vòng ngũ vận, hành thổ ở năm giáp đầu vòng thứ nhất và năm kỷ đầu vòng thứ hai.

Ngũ hành ở thập thiên can có chu kỳ 10 năm, hành thổ ở vào hai năm mậu, kỷ, cặp thứ ba trong năm cặp thiên can.

Bảng so sánh sự khác nhau của ngũ hành ở ngũ vận và thập thiên can nh sau (Bảng 3-6):

Bảng 3-6

Ngũ hành ở ngũ vận		Ngũ hành ở 10 thiên can	
Tên can của năm	Hành	Tên can của năm	Hành
Giáp, kỷ	Thổ	Giáp, ất	Mộc
Ất, canh	Kim	Bính, đinh	Hoả
Bính, tân	Thủy	Mậu, kỷ	Thổ
Đinh, nhâm	Mộc	Canh, tân	Kim
Mậu, quý	Hoả	Nhâm, quý	Thủy

Sự khác nhau về tính đồng dạng của hai loại ngũ hành ở hai quy luật cũng cần phân tích như sau: Ngũ vận là những đơn vị thời gian theo năm gọi là đại vận. Tính thời gian theo một phần của năm ($\frac{365,35\text{ngày}}{5}$) là các bước sơ vận, nhị vận, tam vận, tứ vận, chung vận, dùng để tính chủ vận và biến hoá của khách vận (xem cách tính chi tiết lục khí - ngũ vận trong sách Trung y khái luận) - Ngũ hành tính theo từng cặp thiên can trong chu kỳ 10 can lại có tính đồng dạng trong cả bốn đơn vị tính thời gian là ngày, giờ, tháng, năm. Ví dụ ở các năm mậu, kỷ, tháng có can mậu, kỷ, ngày có can mậu, kỷ và giờ có can mậu kỷ đều mang trong nó hành thổ.

Về ảnh hưởng do hai loại ngũ hành gây ra ở hai quy luật cũng khác nhau. Ngũ hành ở ngũ vận để biết được những bệnh diễn ra ở những tạng khí có hành tương ứng. Như ở thổ vận, ta có thể biết được rằng tạng khí tương ứng sẽ có bệnh là tỳ và vị. Ngũ hành theo cặp can ở 10 thiên can lại cho ta biết được rằng ở tạng khí tương ứng theo hành sẽ có diễn biến công năng sinh lý theo chiều hướng thúc đẩy, hỗ trợ hay kìm hãm, khác chế. Ví dụ: vào những ngày, giờ, tháng, năm, có can mậu, kỷ, tạng khí tương ứng với hành thổ là tỳ, vy được hỗ trợ cho nên hoạt động khoẻ hơn, có khả năng chống đỡ bệnh tật tốt hơn. Ngược lại, cùng lúc đó các tạng khí tương ứng với hành thủy lại bị khắc chế, khả năng hoạt động và sức chống bệnh tật giảm đi đó là thận và bàng quang.

Sách Châm cứu đại thành, trang 33, đoạn trích dẫn "Nạn kinh" nói về tính chất này như sau:

+ Nạn thứ 56 viết: Tích của ngũ tạng có tên chăng? - Lấy ngày nào, tháng nào đắc cái đó? Thưa, tích ở can tên là phì khí (thỉnh vận), ở phía dưới sườn trái, như cái chén úp có đầu chân, lâu ngày không khỏi, làm cho người ta ho ngược lên mà sốt rét kéo dài, liền hàng năm không dứt. Lấy cuối mùa hạ, vào ngày mậu, ngày kỷ đắc cái đó. Vì sao mà nói như thế? Phế bệnh chuyển sang can, can đón chuyển sang lý, tỳ ở cuối mùa hạ, thích hợp làm vương (vượng) tỳ vương không chịu, can lai muốn trả lại cho phế, phế không gánh chịu đành lưng, làm cho lưu kết lại mà thành ra tích, cho nên biết phì khí lấy ngày mậu, ngày kỷ ở cuối mùa hạ là đắc cái đó...

Bảng so sánh sự khác nhau về ảnh hưởng của ngũ hành trong hai loại chu kỳ ngũ vận và thập thiên can như sau (Bảng 3-7):

(Bảng 3-7)

Ngũ vận	Tạng có bệnh	10 thiên can	Vượng	Khắc
giáp, kỷ thổ	tỳ vị	giáp, ất, mộc	can, đằm	tỳ, vị
ất, canh kim	phế, đại trường	bính, đinh, hoả	tâm, tiểu trường	phế, đại trường
bính, tân, thuỷ	thận, bàng quang	mậu, kỷ, thổ	tỷ, vị	thận, bàng quang
đinh, nhâm, mộc	can, đằm	canh, tân, kim	phế, đại trường	can, đằm
mậu, quý, hoả	tâm, tiểu trường	nhâm, quý, thuỷ		tâm, tiểu trường

d. Hành thổ trong ngũ hành nạp âm của 60 hoa giáp (ở phép tính tử vi). Ngũ hành nạp âm thường gọi là mệnh, là loại ngũ hành tính theo ảnh hưởng tổng hợp của nhiều quy luật thời gian như: Hỗn hợp can chi của năm, nhịp âm dương, cung độ âm dương, quy luật bát quái, quy luật ngũ vận lục khí. Sự tổng hợp đó nhằm mô tả một mặt của khí chất con người có năm sinh tương ứng. Vì là khí chất tổng hợp, cho nên sự sắp xếp thuận tự của ngũ hành không theo thuận tự riêng của một loại chu kỳ nào, mà là một công thức phức tạp, chuyển đổi qua nhiều bước.

* Các bước tính như sau:

- Trước hết xem tên can chi của năm là gì? ví dụ năm sinh 1944: giáp thân.
- Xem tên can chi đó là số thứ tự bao nhiêu trong 60 hoa giáp. 60 năm can chi khởi đầu từ giáp tý, giáp thân là thứ 21
- Đem số thứ tự đó so với số 30, nếu từ 30 trở lại thì để nguyên, trên 30 phải trừ đi 30 Giáp thân là số 21, nhỏ hơn 30 nên để nguyên.

- Sau khi đã so với số 30 xong, lại đem so với số 12 để quy đổi chẵn lẻ như sau: nếu số đem so từ 12 trở xuống, chẵn thì phải đổi thành số lẻ trước nó, số đem so là số lẻ thì giữ nguyên, trường hợp số đem so trên 12 là số chẵn thì vẫn giữ nguyên, số lẻ phải đem đổi thành số chẵn sau nó, tức là đều phải + 1 nữa. Giáp thân 21 phải + 1 = số 22.

- Đem kết quả chuyển đổi lần cuối cùng này chia cho 8 tìm số dư. Số dư đó chính là số của cung quái (1 = càn, 2 = đoài, 3 = ly, 4 = chấn, 5 = tốn, 6 = khảm, 7 = cấn, 8 = khôn).

- Khi đã tìm ra cung quái, lấy hành của cung quái đó làm ngũ hành nạp âm, hay còn gọi là mệnh của tuổi. Số của giáp thân 21 + 1 = 22, lấy 22 chia cho 8 được 2 lần, còn dư 6, số 6 là quẻ khảm, hành của quẻ khảm là thủy vậy ngũ hành nạp âm của giáp thân là thủy, giáp thân có mệnh là thủy.

Bảng 3-8. Bảng tương ứng giữa cung quái, số và hành:

Càn	Đoài	Ly	Chấn	Tốn	Khảm	Cấn	Khôn
1	2	3	4	5	6	7	8
Kim		Hoả	Mộc		Thủy	Thổ	

Trong khi chuyển đổi lần cuối cùng để đem chia cho số 8 tìm số dư, có một biệt lệ bắt buộc là: Những năm mậu tý, kỷ sửu, (số 25,26), mậu ngọ, kỷ mùi (số 55,56) sau khi chuyển đổi thành số 26, nếu đem chia cho 8 dư 2, theo cung quái là đoài, hành là kim, nhưng không lấy nạp âm (hay mệnh) là kim, mà phải lấy là hoả, (tích lịch hoả, thiên thượng hoả). Sở dĩ có biệt lệ này là do: Theo cách tính của quy luật lục khí ngũ vận thì những năm mậu tý, mậu ngọ vận đồng với khí đều là hoả, còn gọi là những năm thiên phù (xem cách tính ở lục khí, ngũ vận), Vận đồng với khí là hoả tuy chỉ ở hai năm mậu tý mậu ngọ nhưng sức mạnh của hoả khí thiên phù do khí và vận gây ra đã lấn át ảnh hưởng của nhịp âm dương và ảnh hưởng của cung quái cho nên mới có tình trạng nạp âm của những năm mậu tý, mậu ngọ, kỷ sửu, kỷ mùi đều là hành hoả cả (đây là biệt lệ)

Bảng ngũ hành nạp âm của 60 hoa giáp (mệnh của 60 hoa giáp) qua các bước chuyển đổi như sau (bảng 3-9):

Bảng 3-9

Năm can chi	Số thứ tự	Số đã chuyển	Hành	Năm can chi	Số thứ tự	Số đã chuyển	Hành
Giáp tý Ất Sửu	.1 2	1	Kim	Giáp Ngọ Ất Mùi	.31-30 32	1	Kim
Bính Dần Đinh Mão	.3 4	3	Hoả	Bính Thân Đinh Dậu	.33-30 34	3	Hoả
Mậu Thìn Kỷ Tỵ	.5 6	5	Mộc	Mậu Tuất Kỷ Hợi	.35-30 36	5	Mộc
Canh Ngọ Tân Mùi	.7 8	7	Thổ	Canh Tý Tân Sửu	.37-30 38	7	Thổ
Nhâm Thân Quý Dậu	.9-8 10	1	Kim	Nhâm Dần Quý Mão	.39 ⁻³⁰ ₋₈ 40	1	Kim
Giáp Tuất Ất Hợi	.11-8 12	3	Hoả	Giáp Thìn Ất Tỵ	.41 ⁻³⁰ ₋₈ 42	3	Hoả
Bính Tý Đinh Sửu	13 .14-8	6	Thủy	Bính Ngọ Đinh Mùi	43 .44 ⁻³⁰ ₋₈	6	Thủy
Mậu Dần Kỷ Mão	15 .16-8	8	<u>Thổ</u>	Mậu Thân Kỷ Dậu	45 .46 ⁻³⁰ ₋₈	8	<u>Thổ</u>
Canh Thìn Tân Tỵ	17 .18-8	2	Kim	Canh Tuất Tân Hợi	47 .48 ⁻³⁰ ₋₈	2	Kim
Nhâm Ngọ Quý Mùi	19 .20-8	4	Mộc	Nhâm Tuất Quý Sửu	49 .50 ⁻³⁰ ₋₈	4	Mộc
Giáp Thân Ất Dậu	21 .22-8	6	Thủy	Giáp Dần Ất Mão	51 .52 ⁻³⁰ ₋₈	6	Thủy
Bính Tuất Đinh Hợi	23 .24-8	8	<u>Thổ</u>	Bính Thìn Đinh Tỵ	53	8	<u>Thổ</u>

					$.54_{-8}^{-30}$		
Mậu Tý	25	biệt lệ	Hoả	Mậu Ngọ	55	biệt lệ	Hoả
Kỷ Sửu	.26-8	2		Kỷ Mùi	$.56_{-8}^{-30}$	2	
Canh Dần	27	4	Mộc	Canh Thân	57	4	Mộc
Tân Mão	.28-8			Kỷ Dậu	$.58_{-8}^{-30}$		
Nhâm Thìn	29	6	Thủy	Nhâm Tuất	59	6	Thủy
Quý Ty	.30-8			Quý Hợi	$.60_{-8}^{-30}$		

Loại ngũ hành này khác hẳn các loại ngũ hành ở ngũ vận, lục khí, thập thiên can. Mọi loại kia là cách tính ảnh hưởng theo chiêm tinh học. Tuy vậy, trong đó cũng không thể không căn cứ vào khí hậu môi trường, tức là phân bị quy luật vận khí chi phối.

e. Hành thổ theo tứ quý: Tứ quý là cung đột thời gian giai đoạn cuối của bốn mùa. Theo các tài liệu cổ nói về tứ quý thì nó là khoảng thời gian chừng 13 ngày ở cuối mỗi mùa, nội dung chủ yếu của nó là giai đoạn chuyển mùa. Do có sự phân chia cung độ không bằng nhau đều đặn như cung tiết, hoặc tháng, cho nên mỗi mùa có ba cung đoạn được đặt bằng một loại tên khác. Đầu mùa gọi là mạnh, như: Mạnh xuân, mạnh hạ, mạnh thu, mạnh đông. Giữa mùa gọi là trọng, như: Trọng xuân, trọng hạ, trọng thu, trọng đông. Cuối mùa gọi là quý, như: Quý xuân, quý hạ, quý thu, quý đông. Đầu mỗi mùa được xác định bằng ngày tiết lập, như: Lập xuân, lập hạ, lập thu, lập đông. Các ngày này do phép tích lịch định ra cho từng năm (xem "Lịch và lịch Việt Nam" của Hoàng Xuân Hãn). Trong giai đoạn chuyển mùa này tình trạng khí là trung bình, trong đời sống thường xảy ra dịch bệnh lây lan, đó là tính chất của hành thổ.

Cung độ thời gian của tứ quý lại có sự tương ứng với các cung tháng địa chi là Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, cho nên có người đã nhầm tưởng rằng ở phương phương mặt đất, các cung Thìn, Tuất cũng là hành thổ, tức là khí thổ cũng có ở hai hướng gió đông nam và tây bắc. Điều này là một sai lầm. Thổ khí chỉ có ở đông bắc và tây nam, còn ở hướng tây bắc tổng tỷ lệ khí (cả % âm và dương) bằng

nhau với tổng tỷ lệ khí ở hướng tây, cho nên khí là hành kim, hướng đông nam có tổng tỷ lệ khí bằng nhau với tổng tỷ lệ khí ở hướng đông, cho nên người ta xếp vào hành mộc.

Đứng về khía cạnh khác mà xét, khía cạnh sinh trưởng của từng loài vật theo mùa, cũng là sự sinh trưởng của một loại khí theo mùa. Người ta đã chia mỗi mùa ra làm ba giai đoạn: sinh, vượng, mộ. Tương ứng với ba mức của mùa là mạnh, trọng, quý. Trong phép tính tử vi, người ta lấy các cung có tên sinh, vượng, mộ để xét đoán tình hình ảnh hưởng của các sao trong các cung đó khác nhau (Bảng 3-10,3-11).

Bảng 3-10. Bảng tương ứng các tên gọi

Tên tháng địa chi	Tên quá trình phát triển của loài vật theo mùa	Mức độ mùa
Dần, Thân, Ty, Hợi	Sinh	Mạnh
Tý, Ngọ, Mão, Dậu	Vượng	Trọng
Thìn, Tuất, Sửu, Mùi	Mộ	Quý

Bảng 3-11. Bảng tỷ lệ khí theo hành ở các cung thìn, tuất, sữu, mùi

Cung địa chi hướng gió	Tỷ lệ khí		Tổng tỷ lệ	Hành
	Nhiệt	ẩm		
Thìn	75%	75%	150%	Mộc
Dần, Mão	50%	100%	150%	Mộc
Tuất	25%	25%	50%	Kim
Thân, Dậu	50%	0%	50%	Kim
Sửu	25%	75%	100%	Thổ

Mùi	75%	25%	100%	Thổ
Trung ương	50%	50%	100%	Thổ

Trong khi soạn thảo đến phần này, tôi có mời một số bạn bè tham khảo một trong số đó là người bạn còn trẻ và rất hăng hái, bạn đã đề nghị tôi tìm các thuật ngữ mới thay cho năm hành là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, để người ngày nay tránh khỏi sự ám thị do nhận thức chưa đúng mà cho rằng đó là những vật chất cơ bản cấu thành vạn vật trong vũ trụ. Tôi nghĩ rằng việc đó rất khó. Và lại trước hết phải làm cho mọi người hiểu trở lại đúng với bản chất của nó, rồi đến việc tìm các tên sao cho tên đó hàm nghĩa đủ các mặt, các mối quan hệ như tôi đã khai thác được và giới thiệu trong phần viết này. Nếu không đủ các điều kiện ấy, hà tất đã phải nghĩ đến việc thay tên. Có lẽ tốt nhất vẫn là giữ nguyên các tên cũ và hiểu cho hết những điều cần thiết về nó là đủ. Và có lẽ cũng là hướng đi đúng hơn cả.